

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

=====

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I - NĂM 2013

TÊN ĐƠN VỊ : CTY CP BT PT CƯỜNG THUẬN IDICO

MST : 3600459834

ĐỊA CHỈ : 168, KPT1, P. AN BÌNH, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI

NĂM 2013

## CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN TDICO

## BẢNG CÂN BỘT KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

TÀI SẢN	Mã số	Thay đổi minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam	
			31/03/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>402,563,893,642</b>	<b>420,150,163,159</b>
I. Tiền	110		15,300,536,979	15,244,443,279
1. Tiền	111	V.1	15,300,536,979	15,244,443,279
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		187,821,386,496	201,434,636,743
1. Phải thu khách hàng	131		77,287,528,149	99,406,620,844
2. Trả trước cho người bán	132		77,353,937,335	90,389,895,388
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	35,600,572,960	34,825,772,960
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3,250,652,449)	(3,250,652,449)
IV. Hàng tồn kho	140		194,150,195,802	199,314,476,530
1. Hàng tồn kho	141	V.4	194,150,195,802	199,314,476,530
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,291,774,366	4,156,606,617
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải trả NHTMCCN	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,291,774,366	4,156,606,617
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>301,943,816,951</b>	<b>282,298,281,731</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN TDICO

## BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
<b>II. Tài sản cố định</b>				
1. TSCD hữu hình	221	V.8	110,398,530,298	110,396,392,006
- Nguyên giá	222		222,144,151,944	225,536,879,217
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121,545,621,546)	(175,790,485,609)
2. TSCD thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCD vô hình	227	V.10	29,070,475,721	31,221,245,129
- Nguyên giá	228		83,670,838,182	83,670,838,182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54,600,362,461)	(52,449,593,053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản đã dang	230	V.11	22,096,812,484	17,845,145,546
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	V.13	115,886,802,358	98,731,802,358
1. Đầu tư vào công ty con	251		120,190,000,000	92,035,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4,654,805,000	4,654,805,000
3. Đầu tư dài hạn khác	253		2,400,000,000	2,400,000,000
4. Dự phòng giảm giá các tài chính dài hạn	259		(358,002,642)	(358,002,642)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		24,291,196,090	24,103,696,090
1. Chi phí trả trước dài hạn	251	V.14	24,291,196,090	24,103,696,090
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	252		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	258		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		704,507,710,593	702,448,444,890

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN LTD  
BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN (TIẾP THÊM)  
Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thay đổi minh	31/03/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>527,266,891,914</b>	<b>539,463,527,685</b>
1. Nợ ngắn hạn	310		461,235,836,551	481,813,431,082
1.1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	158,460,232,000	195,950,753,560
1.2. Phí trả cho người bán	312		51,151,405,881	49,919,833,894
1.3. Người mua trả tiền trước	313		208,921,646,700	189,527,130,450
1.4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	32,695,132,773	17,922,668,568
1.5. Phí trả người lao động	315		2,641,134,264	5,481,314,872
1.6. Chủ phủ phải trả	316	V.17	19,589,300,184	19,025,804,088
1.7. Phí trả uỷ hộ	317			
1.8. Phí trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318			
1.9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	8,302,621,429	12,098,911,584
1.10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
1.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(2,423,679,580)	(2,112,976,324)
<b>B. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66,030,965,363</b>	<b>61,649,896,593</b>
1. Phí trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phí trả dài hạn uỷ hộ	332		-	-
3. Phí trả dài hạn khác	333		15,848,972,474	15,848,972,474
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	50,181,992,589	52,800,924,119
5. Thuế thu nhập huu lai phải trả	335			
6. Dự phòng trù cấp mới việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu cuối thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			
<b>C. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>177,140,908,679</b>	<b>171,985,817,205</b>
<b>D. Vốn Chủ Sở Hữu</b>	<b>410</b>		<b>177,140,908,679</b>	<b>171,985,817,205</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	150,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,431,570,000	2,431,570,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngắn hạn	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	4,247,989,856	4,247,989,856
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	8,436,499,730	8,436,499,730
9. Quỹ khát khao vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.22	12,013,628,656	9,857,837,192
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		11,120,427	11,120,427
12. Quỹ hỗ trợ tiếp xếp doanh nghiệp	422			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN LTD

## BẢNG CÂN BỐI KẾ TOÁN (TIẾP THÊM)

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý 1/2013)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam	
			31/03/2013	01/01/2013
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>640</b>		<b>794,507,716,593</b>	<b>702,448,444,890</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN BỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuộc người	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận gửi/hỗ trợ, nhận giá công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký mua/còn	-	-	-
4. Nợ kho dài dài chờ lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-	-
Dollar Mỹ (USD)	-	-	-
Euro (EUR)	-	-	-
6. Dự kiến chi phí nghiệp, dự án	-	-	-

Người Lập

Nguyễn Văn Hùng

Kế toán trưởng

Lê Văn Vinh



Nguyễn Văn Dương

## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN (IDICO)

**HẢO HÃNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Chữ tiêu	Mã số/ Thuộc mình	Đơn vị tính : Đồng Việt Nam		Lợi nhuận đến cuối quý này
		Năm trước	Quý I năm 2013	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.25	95,390,240,223	73,497,042,443
2 CSC Khoản giảm trừ doanh thu	2	V.26		262,210,735
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10	V.27	95,090,240,223	73,234,857,708
4 GS Vốn đăng kín	11	V.28	76,850,000,176	55,897,000,176
5 Lợi nhuận kíp về bán hàng và dịch vụ	20	V.29	18,233,800,047	17,357,703,536
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.29	64,347,305	36,112,607
7 Chi phí tài chính	22	V.30	6,074,536,495	7,302,983,769
Trong đó: Chi phí tài chính	23		6,074,536,495	7,302,983,769
8 Chi phí bán hàng	24		616,055,016	1,050,104,577
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,118,770,072	6,118,770,072
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,188,868,766	3,500,219,787
11 Thu nhập khác	31		1,53,468,996	2,164,635,104
12 Chi phí khác	32		1,26,272,787	2,101,639,999
13 Lợi nhuận khác	40		27,196,109	63,005,105
14 Tổng lợi nhuận kíp về bán hàng	50		6,216,003,964	6,216,003,964
				3,564,224,892

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ PHẦN TRIỂN CƯỜNG THĂN IDICO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Quý IV/2013)

15 Chi phí thuế TNDN liên hành	51	4.31	1.060.270.459	349.963.693	1.060.270.459	549.863.693
16 Chi phí thuế TNDN lõi	52					
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		3.155.791.475	3.014.361.199	5.155.791.475	3.014.361.199
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					



Kế toán trưởng

Nguyễn Lập

Đỗ Văn Thảo

Đỗ Văn Thảo

## CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THỦẬN IDICO

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIẾU	Mã số	Thay đổi nhìn	Lưu kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay (tỷ đồng)	Năm trước (tỷ đồng)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		6,216,061,964	3,564,224,893
Đầu chính cho các A/c:				
Khấu hao tài sản cố định	2		8,535,904,415	8,294,822,271
Các khoản dự phòng	3		-	-
Lưu kế từ hoạt động kinh doanh	4		(54,347,303)	-
Lưu kế từ hoạt động đầu tư	5		(54,347,303)	-
Chi phí trả vay	6		6,074,536,495	1,309,383,709
Lưu chuyển từ HNED trước đây đối với lưu động	7		29,782,155,691	29,269,030,932
Tổng/hiệu các khoản phải trả	8		(24,823,321,143)	(23,584,230,631)
Tổng/hiệu bằng tiền mặt	9		-	-
Tổng/giá trị các khoản phải trả	10		5,164,380,718	(19,074,202,143)
Tổng/giá trị các khoản phải trả trước	11		10,402,448,519	49,524,184,944
Tổng/giá trị các khoản phải trả trước	12		(187,500,000)	221,226,061
Tiền lãi vay đã trả	13		(6,074,536,495)	(1,309,383,709)
Trích thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(114,560,335)	(431,129,563)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	17		4,928,263,864	(7,781,358,173)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	18		(10,836,030,065)	(5,627,745,434)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản do hạn chế	19		3,147,350,303	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ	20		-	-
Tiền trả lãi cho vay, bù lại các công cụ	21		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	22		(17,135,000,000)	-
Tiền trả lãi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		-	-
Tiền trả lãi cho vay, có tài sản đảm bảo	24		64,347,303	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	25		(34,782,239,055)	(6,627,745,454)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	26		-	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	27		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn chưa đáo hạn	28		77,207,159,303	74,184,917,874
Tiền chi trả gốc vay	29		(57,297,696,413)	(47,104,254,262)
Tiền chi trả lãi thuê tài chính	30		-	-
Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông	31		(200,000,000)	(200,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	32		19,909,462,894	26,595,696,612

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THỦẬN IDICO

BÁO CÁO LÃU CHUYỂN TIỀN TỶ (TIẾP THEO)  
Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quí I/2013)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thực mô	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuế trong kỳ	50		56,093,099	12,169,582,889
Tổng và tương đương tiền đầu kỳ	60		15,244,443,219	9,446,130,891
Änh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tổng và tương đương tiền đầu cuối kỳ	70		39,386,536,978	21,615,683,876

Người lập

Nguyễn Văn Đông Thôn

Kế toán trưởng

Le Văn Vinh



Nguyễn Văn Đông

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)Đơn vị tiền: VND**I. ĐẶC BIỆT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty cổ phần

**02. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất****03. Nguồn nghề kinh doanh:**

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; sửa lắp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đồ, da và cát (không gia công chế biến tại trại số); Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cao cấp và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trại số); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống công bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nung nóng (không sản xuất tại trại số); đại lý mua bán rau quả tươi, trái cây khác; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trại số). Dịch vụ quảng cáo.

**04. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có****II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KÝ KẾ TOÁN****01. Ký kế toán năm:**

Ký kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****01. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2005/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/05/2005; thông tư 24/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin của khái niệm bảy trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở toàn bộ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng: Ngày ký chứng****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quí I/2013)

Đơn vị tính: VNĐ

**01. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản trong đương kim:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quý, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trong thời hiện tại - trừ các phí giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi dở.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận theo giá gốc

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân giá quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kế khai thường xuyên

Để phòng cho hàng tồn kho được tích lũy cáo phần giá trị để kiểm tra rõ nhất do các khoản tuy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bảng chứng loại lý và sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số lượng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng hóa trong kỳ.

**03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCB****3.1. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị bao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như chi phí vận chuyển, chi phí cài đặt, chi phí bảo trì, chi phí quản lý, chi phí lãi vay, chi phí thu hồi vốn và chi phí khác. Chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định lâu dài, vượt trội so với hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được xem là một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định lâu dài. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị bao mòn lũy kế được trừ số và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào biến mất khỏi hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao được ghi nhận theo phương pháp straight-line dựa trên thời gian hữu dụng hoặc thời gian sử dụng của các tài sản trong phạm vi Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng hoặc thời gian sử dụng của các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật liệu trắc	30 năm
Máy móc, thiết bị	6-10 năm
Phương tiện vận tải, trang thiết bị	6-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6 năm

**3.2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình:**

Quyền sử dụng tài sản:

Giá trị quyền sử dụng tài sản là 16.000.000.000 đồng bù các chi phí mà Công ty đã chi ra để có được quyền sử dụng tài sản là 16.000.000.000 đồng. Công ty xác định thời gian thu hồi vốn đến từ 10-30 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)(Đơn vị tiền: VND)**95. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:****5.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Các Công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chi sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không điều chỉnh theo những thay đổi của phần vốn huy của các nhà đầu tư trong tài sản vốn của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của hàn nhân đầu tư.

**5.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con**

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Căn cứ metro số 23 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con. Để phòng giảm giá từ đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Để phòng được bùn thấp với điều kiện giá trị ghi sổ sau buôn thấp không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như sự sụp đổ của công ty con được ghi nhận.

**5.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Để phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập khi giá thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc.

**96. Nguyên tắc ghi nhận và rờn hóa các khoản chí phí đi vay:**

Chí phí vay được ghi nhận như khoản chí phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chí phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản cố định trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chí phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng tài sản được viết hóa vào một khoản agerela giá của tài sản này. Chí phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chí phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chí phí đi vay được sử dụng để xác định chí phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân giá quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản đã dùng.

**97. Nguyên tắc ghi nhận và rờn hóa các khoản chí phí khác:**

Chí phí trả trước dài hạn:

Chí phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: Quyền sử dụng thương hiệu IDICO, chí phí cho thuê tài sản cố định và chí phí công cụ dùng cụ thể phản hồi được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 3 năm.

**98. Nguyên tắc ghi nhận chí phí phải trả:**

Chí phí phải trả được ghi nhận dựa trên các tiêu chí hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm thường chí phí trả: chí phí bán hàng, chí phí phải trả, các chí phí phải trả khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quyết định 1/2013)

Đơn vị tiền: VNĐ

**09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phát triển: Không phát sinh.****10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Ghi nhận thực sự thực tế giúp cửa hàng số liệu.

Tháng đầu vốn cổ phần được ghi nhận theo số dư ban đầu hoặc nhỏ hơn giữa giá được tổ chức hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngày sau.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận như sau phát triển: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phần ảnh hưởng của đối số biến là số lợi nhuận (lỗ hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau Khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do tỷ lệ tăng hàn số hay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh tài sản số lượng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:****Doanh thu bán hàng**

Khi bán hàng hoặc thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn có và lợi ích giữa liên với việc có một hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thành toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thành toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào số tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (tổng lãi tiền lãi mà không bao gồm lãi) trừ khi không còn bất kỳ lỗ nào không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức tối thiểu bối cảnh của các chi phí đã được ghi nhận.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Tổng số các hợp đồng xây dựng quy định nhất thời được thành toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thành toán theo giá trị, khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do khách hàng xác nhận trong kỳ đã được khách hàng phản ánh trên hoá đơn.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lấy số liệu hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lỗ kế ghi nhận trên hoá đơn thành toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải trả hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Đơn vị tính: VNĐ

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí như đã vay, lãi chênh lệch tỷ giá trong thời gian được xác định một cách đồng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể số lãi tiền hay chênh.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNĐN hiện hành, chi phí thuế TNĐN trước kia:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thuế (VAT) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập Liên bang và thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: Là khoản thuế do kinh doanh phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản thuế chính thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sẽ được xác định cho mục đích thuế.

**14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ áp phong mua mua bán:**

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và负债 có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc hiện tại kế toán. Khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục ngoại hối được treo lại trên FKL13 đến năm sau hoặc thấp hơn; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo cách thức Thông tư 177 và 201 của Bộ Tài Chính.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thành toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng tài chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phản ánh dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

**15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN BỐT KẾ TOÁN:**

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
<b>01. Tiền và các khoản đang đường tiêu</b>		
- Tiền mặt	13,324,324,200	14,746,551,433
- Tiền gửi ngân hàng	1,975,712,688	6,869,132,443
Cộng	15,300,036,978	21,615,683,876
<b>03. Tài sản ngắn hạn khác</b>	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Thẻ chấp, ký quỹ, ký cá nhân	802,000,000	
- Tạm ứng	4,489,774,306	

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Đơn vị tính: VND

	Công	5,291,774,366	+
04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác			
- Tiền ứng thực hiện dự án BOT QL 1A		9,477,178,100	
- Tạm chi tiền lao động QT, Ban kiểm soát	969,334,598		-
- Phí thu khác	35,521,268,362	1,232,641,245	
	Công	36,498,572,960	10,810,819,346
05. Hàng tồn kho	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012	
- Nguyên liệu, vải, kiện	13,514,443,857	15,730,457,962	
- Công cụ, dụng cụ	1,054,347,533	1,024,508,831	
- Chi phí SX, KD đã dùng (*)	51,325,227,871	108,903,028,328	
- Thành phẩm	26,601,951,790	47,946,063,725	
- Hàng hóa	624,124,741	569,793,875	
	Giá trị thuần của hàng tồn kho	194,150,195,802	169,323,894,721

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh đã dùng cuối kỳ chỉ yết là đã sang cửa các công trình xây lắp chưa hoàn thành và nghiệm thu.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 21 tháng 03 năm 2013 (số 17/2013)

Đơn vị tính: VNĐ

08. Tăng, giảm tài sản cố định bùn kẽm:

Khoản mục	Mã số, vật liệu nêu	Mã số thứ tự	Hàng hóa vận tải trên tay	Tài sản đang có quản lý	TSCĐ HĐ thuê	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ bùn kẽm						
Số dư đầu kỳ	9,514,749,061	106,462,305,833	81,304,603,636	4,113,698,849	44,257,571,248	135,556,879,217
- Mua trong kỳ		5,587,072,123				5,587,072,123
- Đầu tư XDCB bùn kẽm						
- Tăng khác						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, thu hồi bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	9,514,748,061	103,089,379,560	81,308,692,636	4,113,698,849	44,257,571,248	132,144,151,960
Gia trị hao mòn HĐ						
Số dư đầu kỳ	3,625,906,342	71,429,388,431	19,598,743,006	380,248,780	19,975,983,547	119,168,066,669
- Kế toán trong kỳ	172,822,655	3,234,735,266	1,619,146,558	191,463,599	1,195,900,482	6,385,136,037
- Tuyết						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, thu hồi bán						
Giảm						
Số dư cuối kỳ	3,598,741,330	74,703,905,677	21,617,888,774	963,907,336	20,363,875,829	112,545,621,646
Gia trị còn lại của TSCĐ HĐ						
- Tại ngày đầu kỳ	5,648,634,215	45,033,115,423	21,374,660,620	3,282,213,146	23,181,559,701	110,396,392,668
- Tại ngày cuối kỳ	5,515,995,933	48,545,559,882	22,381,732,652	3,151,451,215	23,994,535,219	110,999,530,288

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 07 năm 2013 (Quá 1/2013)

Đơn vị tính: VNĐ

10. Tóm tắt tài sản cố định và khấu hao:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Tài sản, hàng tồn kho	Quyền tài sản khác tỷ lệ	Tài sản hình thức	Tổng cộng
Nguồn gốc TSCB và kinh doanh						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	83,670,838,182	-	83,670,838,182
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Tổng số	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý,处置	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	83,670,838,182	-	83,670,838,182
Gia trị hao mòn Ký kế						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	32,449,975,851	-	32,449,975,851
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	2,120,759,406	-	2,120,759,406
Tổng số	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý,处置	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	34,890,262,461	-	34,890,262,461
Ghi chú còn lại của TSCB						
V/K						
- Tại ngày đầu kỳ			-	31,221,345,139	-	31,221,345,139
- Tại ngày cuối kỳ			-	34,890,262,461	-	34,890,262,461

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Đơn vị tính: VNĐ

<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản đã dùng:</b>	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Quyền sử dụng đất chưa hoàn thiêp	-	2,312,727,273
- Chi phí đầu tư khai thác VLXD Bình Lợi, Võng Chùa	1,854,000,000	227,544,471
- Chi phí xây dựng nhà ăn khu ủy Mỏ Đầu	-	979,577,554
- Chi phí xây dựng mỏ đá phế thải sân-khu mỏ 5	19,027,750,160	5,873,871,356
- Chi phí xây dựng mái che sảnh trại	-	643,899,250
- Chi phí xây dựng nồi hơi đổi chửa	237,227,960	-
- Chi phí xây dựng Cảng Cát Lái	977,821,355	-
- Chi phí xây dựng cơ bản khác	-	3,184,627,004
<b>Cộng</b>	<b>22,094,811,484</b>	<b>13,282,547,806</b>
<b>12. Đầu tư tài chính dài hạn:</b>	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Đầu tư vào công ty con - Công ty BUT Đồng Tháp: nắm giữ 87,77% vốn điều lệ 153 tỷ	88,190,000,000	47,035,000,000
- Đầu tư vào Công ty con - công ty VLXD IDICO Đồng Nai	21,000,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Việt Thuận Phát: nắm giữ 35% vốn điều lệ là 20 tỷ đồng	4,554,805,000	8,660,273,973
- Đầu tư dài hạn khác - Công ty Lắp máy điện nước IDICO - nắm giữ 3% vốn điều lệ 80 tỷ.	2,400,000,000	2,400,000,000
<b>Cộng</b>	<b>116,244,805,000</b>	<b>58,095,273,973</b>
<b>13. Chi phí thuê trước đợt hạn:</b>	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Công cụ dụng cụ cho phân bộ	431,560,686	634,415,151
- Chi phí sửa chữa TSCE	527,606,624	-
- Chi phí thuê đóng bộ quang cáo tại ngã tư Hàng Xanh	277,277,280	277,277,279
- Phần mềm giám sát hệ thống xe vận tải	187,500,000	-
- Chi phí trùng tu TL16	22,866,745,000	-
- Quyền sử dụng thương hiệu IDICO	-	166,666,661
<b>Cộng</b>	<b>24,291,196,090</b>	<b>1,328,839,391</b>
<b>14. Vay trả nợ ngắn hạn:</b>	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Vay ngắn hạn ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch	91,635,998,495	120,548,749,023
- Vay ngắn hạn NH HSBC	26,837,181,385	36,564,443,561
- Vay cá nhân	-	1,706,060,000
- Vay ngắn hạn ngắn hạn Vietcombank	29,987,761,620	-
<b>Cộng</b>	<b>158,460,232,000</b>	<b>159,819,242,586</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Đơn vị tính: VNĐ

<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>Quý I năm 2013</b>	<b>Quý I năm 2012</b>
- Thuế GTGT đầu ra	13,050,810,581	11,954,806,835
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,286,748,580	5,119,937,667
- Thuế TSCĐ cũ khấu	1,284,166,763	464,542,519
- Các loại thuế khác	74,406,549	71,406,549
<b>Cộng</b>	<b>23,696,132,773</b>	<b>17,640,743,360</b>
<b>17. Chi phí phải trả</b>	<b>Quý I năm 2013</b>	<b>Quý I năm 2012</b>
- Trích trước chi phí kiểm tra	120,000,000	-
- Trích trước duy tu, trùng tu tinh bộ 16	124,556,978	2,097,236,513
- Trích trước chi phí HD 04 : Đường tránh gói 4	226,966,527	-
- Trích trước chi phí HD 01, 02, 03 : Túi Đường tránh	5,135,828,121	-
- Trích trước chi phí HD 05 : Đường Cầu Rồng Đường	282,104,343	-
- Trích trước chi phí Đường 8 và 11 KCN Bóng Nam	-	10,043,875,253
- Trích trước chi phí Đường 14	5,473,772,300	5,473,772,300
- Trích trước chi phí vệ sinh TL15	35,000,000	-
- Trích trước chi phí Đường Tầm cầu Sông Quay	159,854,120	-
- Trích trước chi phí HD 06 Đường tránh gói 9	6,371,132,246	-
- Trích trước chi phí Đường tránh HD 07	1,149,989,141	-
<b>Cộng</b>	<b>19,589,303,184</b>	<b>17,614,884,874</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>Quý I năm 2013</b>	<b>Quý I năm 2012</b>
- Kinh phí công đoàn	119,302,382	96,553,499
- Bảo hiểm xã hội	500,913,300	39,896,728
- Bảo hiểm y tế	40,722,236	65,294,657
- Miten tam City VLXD IDICO Đồng Nai	-	-
- Movenpick City Bóng Thành	841,303	14,560,150,000
- Movenpick Nguyễn Xuân Huar	7,399,191,353	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16,064,622,909	36,564,666,574
<b>Cộng</b>	<b>24,151,593,903</b>	<b>51,426,861,458</b>
<b>20. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>Quý I năm 2013</b>	<b>Quý I năm 2012</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
- Vay NHTMCP An Bình	-	-
- Vay NHTMCP Sài Gòn Hà Nội	2,732,533,339	-
- Vay ngân hàng Công Thương Nam Trạch	35,058,909,798	37,214,170,598
- Vay NHTMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi	12,380,740,752	18,577,567,176
<b>Cộng</b>	<b>50,161,992,889</b>	<b>55,391,838,074</b>

## BẢN THƯ YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 02 năm 2013 (Phiếu 1/2013)

Đơn vị: Việt Nam

## 22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu tài sản và nợ vay

Khoản mục	Vốn đầu tư tồn CSH	Thặng dư rõ rà soát	Giá trị lịch sử giá bán	Lợi nhuận chết nhập khẩu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguyên vốn BHXH/BCBS	Công ng
A	1	2		3	4	5	5	5
Số dư đầu kỳ trước	190.000.000.000	2.431.570.000	-	12.385.772.485	4.247.973.000	3.494.476.194	11.120.427	15.510.052.465
Tăng vốn kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trung kỳ trước	-	-	-	7.162.322.000	-	-	-	7.162.322.000
Tích số quý I	-	-	-	4.113.460.000	-	-	-	4.113.460.000
Tổng số tiền	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trung kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	1.100.000.000	-	-	-	1.100.000.000
Giá trị khác	-	-	-	6.014.522.270	-	-	-	6.014.522.270
Số dư cuối kỳ trước	190.000.000.000	2.431.570.000	-	12.385.772.485	4.247.973.000	3.494.476.194	11.120.427	15.510.052.465
A	1	2		3	4	5	5	5
Số dư đầu kỳ	190.000.000.000	2.431.570.000	-	12.385.772.485	4.247.973.000	3.494.476.194	11.120.427	15.510.052.465
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trung kỳ	-	-	-	3.108.494.955	-	-	-	3.108.494.955
Tích số quý II	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng số tiền	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	190.000.000.000	2.431.570.000	-	12.385.772.485	4.247.973.000	3.494.476.194	11.120.427	15.510.052.465

## b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Vốn góp của nhà nước (Tổng công ty IDICO)	7.000.000.000	7.000.000.000
- Vốn góp của các đối tác khác	14.000.000.000	14.000.000.000
Công	21.000.000.000	21.000.000.000

## c. Các quỹ của doanh nghiệp:

	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Quỹ đầu tư phát triển	4.247.973.000	4.247.973.000
- Quỹ dự phòng tài chính	3.494.476.194	3.494.476.194
- Nguyên vốn đầu tư XDCB	11.120.427	11.120.427
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.127.539.380	12.127.539.380

\* Một số khía cạnh và số liệu của quỹ của doanh nghiệp

Quy định phòng và tránh được minh bạch để sử dụng vốn của mục đích sau:

- Sửa đổi không rõ ràng, suy thoái, suy thoái về tài sản, công ty có thể bị thu hồi toàn bộ vốn của kinh doanh.

Quy định phòng, phòng kinh doanh, hướng CBCNV trong Công ty và chỉ duy trì các doanh nghiệp tên người Công ty.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Phiếu 1/2013)

Đơn vị tính: VNĐ

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH ĐÁY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2013
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	95,802,880,223	73,497,048,443
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng, hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ	79,673,309,521	54,789,618,588
- Doanh thu bán công	8,372,427,975	10,552,378,637
- Doanh thu thu phí tính % 16	7,757,142,727	8,155,051,818
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 92)		262,210,735
- Hàng bán bị trả lại		262,210,735
27. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 10)	95,802,880,223	73,234,837,708
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng và hoạt động xây lắp	79,673,309,521	54,789,618,588
- Doanh thu thuần bán công	8,372,427,975	10,552,378,632
- Doanh thu thuần thu phí tính % 16	7,757,142,727	8,155,051,815
28. Giá vốn hàng hóa (Mã số 11)	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Giá vốn của hàng hóa và hoạt động xây lắp	58,959,277,794	45,587,126,727
- Giá vốn của hàn công	5,444,166,074	7,858,555,520
- Giá vốn hoạt động thu phí	2,055,556,906	2,451,391,935
Cộng	76,869,000,176	55,897,074,182
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64,347,303	36,112,507
Cộng	64,347,303	36,112,607
30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Lãi tiền vay	6,074,536,495	7,309,983,769
- Phí bảo tồn vốn tự có % 16	-	-
Cộng	6,074,536,495	7,309,983,769

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)Đơn vị tính: VNĐ

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Bảng số 51)	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,060,270,489	549,863,693
Cộng	1,060,270,489	549,863,693

**32. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính là công ty tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thành khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc ban hành theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**32.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công ty tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công ty tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**32.2 Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công ty tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công ty tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đông Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khí Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

**Để mitigate với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phát sinh độ rủi ro đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**32.3 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên thanh toán giá trị trong một công ty tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến lỗ thua và rủi ro. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngắn hạn, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phát triển khách hàng**

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Đơn vị tính: VNĐ

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xác định sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và tránh lặp một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung dồn về một khách hàng nhất định.

## Tín dụng ngắn hạn

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng thuộc quyền lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng đối với số dư của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền". Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## Các công cụ tài chính khác

Ủy Tống Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán bên ngoài trừ các khoản phải thu sau đây được tái lập quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

VNĐ

## Quá hạn nhưng không bị suy giảm

	Khoản quá hạn và không bị suy giảm	Đến 90 ngày	> 180 ngày
Tổng cộng			
31 tháng 12 năm 2012	-	-	-

## 3.2.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thời gian. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ

	Danh sách	Trên 1 năm	Tổng cộng
31 tháng 03 năm 2013			
Các khoản vay và nợ	158,460,232,000	50,181,592,889	208,642,224,889
Phí trả người bán	10,411,638,871	40,739,767,010	51,151,405,881
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	16,570,714,105	7,585,869,877	24,151,582,982
	185,442,584,807	98,502,629,776	283,945,224,573
31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay và nợ	195,950,763,660	32,800,924,119	228,751,687,779

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quyết định 1/2013)

Đơn vị tính: VNĐ

Phí trả người bán	47,418,331,817	2,501,502,077	49,919,833,894
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	14,462,391,854	10,625,869,877	25,088,261,731
	257,831,487,331	45,921,296,073	303,759,783,404

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đều hợp thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện nay.

## Tài sản đảm bảo

Dưới đây là hướng dẫn chung về việc trình bày tài sản đảm bảo. Tuy nhiên tùy theo từng công ty nào có khoản vay bên dưới thì sẽ ghi khoản đó. Nếu không có tài sản thế chấp thì ghi tương tự câu dưới.

Công ty đã sử dụng một phần quyền sử dụng máy móc thiết bị, nhà cửa và tài sản trứ và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.20 Thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn). Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

## 33. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công ty tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên theo giờ, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ được xác định bằng cách chia: khối lượng tiền sở có cùng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ từ đầu điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Tại ngày 31/03/2013, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có đặc biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THƯỢNG IDICO

THƯ VIỆT MINH BẢO CÀO TÀI CHÍNH

Chèo ký kết tài sản từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/03/2013

38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị tài sản và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản tài chính	Giá trị		Giá trị hợp lý	
	Giá trị	Đơn vị	Giá trị	Đơn vị
- Tiền & các khoản vay	15,300,536,978	-	15,244,443,279	-
- Phai thu khách hàng	77,227,528,149	1,250,652,449	99,468,620,844	1,250,652,449
- Phai thu khác	36,490,572,960	-	33,889,039,890	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>129,918,659,087</b>	<b>1,163,280,662</b>	<b>148,602,104,013</b>	<b>3,250,652,449</b>
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	208,647,224,889	-	228,751,687,779	-
- Phai trả người bán	51,151,405,881	-	69,919,853,894	-
- Phai trả khác	23,494,655,585	-	25,088,261,731	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>283,290,386,355</b>	<b>-</b>	<b>303,759,783,404</b>	<b>-</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 03 năm 2013 (Quý I/2013)

Đơn vị tiền: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÀI TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN  
TIỀN TỆ: Không có

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC: Không có

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kế toán kinh tế kế toán năm: Không có
- 3- Thông tin về các bên liên quan:
  - a- Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ hạn gồm:  
Vào thời điểm 31/03/2013 các công nợ liên quan giữa Công ty CP DVTPT Cường Thuận IDICO và Công ty liên kết Việt Thuận Phát:

Mối quan hệ - Tính chất giao dịch	Quý 1 năm 2013	Quý 1 năm 2012
- Công ty Việt Thuận Phát mua bán cảng		
Công ty Cường Thuận :	1,283,584,617	9,700,384,815

Vào thời điểm 31/03/2013 các công nợ liên quan giữa Công ty CP DVTPT Cường Thuận IDICO và công ty con - Đồng thuận:

- Công ty Cường Thuận ứng trước tiền thuê cảng cho công ty Đồng Thuận	144,346,999,544	65,070,520,771
--	-----------------	----------------

- Công ty Cường Thuận mua bán của Công ty Đồng Thuận	841,434	3,345,841,434
---	---------	---------------

Vào thời điểm 31/03/2013 các công nợ liên quan giữa Công ty CP DVTPT Cường Thuận IDICO và công ty con - Cty CP KT và KD VLXD IDICO Đồng Nai :

- Công ty CP KT và KD VLXD IDICO Đồng Nai mua	29,825,553,293	-
--	----------------	---

- Công ty CP KT và KD VLXD IDICO Đồng Nai nợ tiền thuê cảng	3,527,000,000	7,560,245,000
--	---------------	---------------

- Công ty phải trả tiền số tiền cổ đồng sáng tập cho Ông Trần Như Hùng	500,000,000	500,000,000
---	-------------	-------------

- Công ty phải trả tiền số tiền cổ đồng sáng tập cho Ông Nguyễn Văn Khang	440,000,000	640,000,000
--	-------------	-------------

4- Trình bày tài sản, doanh thu, lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận: Không có

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các năm đã kế toán trước):  
Không có

6- Thông tin về hoạt động kinh doanh: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

7- Những thông tin khác: Không có

Người lập

Nguyễn Văn Long Phien

Kế toán trưởng

Lê Văn Vinh

Ngày 30/03/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN

PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN

IDICO

trang 25

Nguyễn Xuân Dương